

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của
cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2020**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2019

1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tăng cường ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Bình được khai trương, chính thức đưa vào sử dụng từ năm 2015, cơ bản đáp ứng đầy đủ các quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; tích hợp 80 trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã. Từ đầu năm đến ngày 30/9/2019, Cổng thông tin điện tử của tỉnh (quangbinh.gov.vn) đã cung cấp đầy đủ thông tin theo các tiêu chí quy định với số liệu như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng tin, bài, văn bản đăng tải trong năm
1	Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/tin-tuc---su-kien-45132.htm) (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/tin-so-nganh-54312.htm) (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/tin-huyen-thi-xa-thanh-pho.htm)	1.710

2	Thông tin chỉ đạo, điều hành	
2.1	Ý kiến chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh-cua-ubnd-tinh.htm)	477
2.2	Ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/ket-qua-xu-ly-don-thu-khieu-nai.htm) (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/co-quan-chuc-nang-tra-loi-ban-doc-21543.htm) (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/giai-trinh-y-kien-kien-nghi-cua-cu-tri.htm)	15
2.3	Thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/thong-tin-khen-thuong---xu-phat.htm) (windowState=1&cat=13848241113277&opt=6&page">https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/van-ban-moi.htm?cmd=500&>windowState=1&cat=13848241113277&opt=6&page)	50
2.4	Lịch làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh (đăng tải theo lịch tuần làm việc) (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/lich-cong-tac-tuan.htm)	38
3	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách	
3.1	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/hoat-dong-tuyen-truyen-giao-duc-phap-luat.htm)	24
3.2	Chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan (https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/van-ban-phap-luat-co-che-chinh-sach-moi-54293189.htm)	25

4	Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực tại tỉnh https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/ch.trinh-ke-hoach-phat-trien.htm https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/quy-hoach-ke-hoach-su-dung-dat.htm https://dautu.quangbinh.gov.vn/3cms/tong-the-kinh-te---xa-hoi-18942539.htm	07
5	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan http://congbao.quangbinh.gov.vn http://qppl.quangbinh.gov.vn/ https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/van-ban-moi.htm?cat=13848241113277&tw=0&opt=0	1.600
6	Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	
6.1	Đăng tải danh sách văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách cần xin ý kiến https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/lay-y-kien-gop-y-ve-du-thao-vb-qppl-chu-truong-chinh-sach.htm	20
6.2	Ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	05
7	Thông tin báo cáo thống kê https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/so-lieu-thong-ke-kt-xh-14532.htm https://www.quangbinh.gov.vn/3cms/tinh-hinh-kinh-te---xa-hoi.htm	20

Bên cạnh đó, tỉnh đã tổ chức liên kết chuyên mục Thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương đến danh mục thủ tục hành chính tương ứng trên Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử (motcua.quangbinh.gov.vn), được đồng bộ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; công khai 2.010 thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, mỗi thủ tục hành chính được cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định: Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; Thời gian tiếp nhận, trả kết quả; Trình tự thực hiện; Cách thức thực hiện; Thành phần, số lượng hồ sơ; Thời hạn giải quyết; Cơ quan thực hiện TTHC; Kết quả của việc thực hiện TTHC; Đối tượng thực hiện TTHC và các nội dung khác để thực hiện thủ tục hành chính.

2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Hệ thống thông tin một cửa điện tử đã được xây dựng thống nhất, tập trung năm 2017, triển khai tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh, Bộ phận một cửa của 08/08 UBND cấp huyện, 157/159 UBND cấp xã (trừ 02 xã miền núi Tân Trạch, Thượng Trạch thuộc huyện Bố Trạch chưa có điện lưới và internet băng thông rộng) bảo đảm kết nối đồng bộ, liên thông 3 cấp. Cổng dịch vụ công của tỉnh đã kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để công khai đầy đủ các TTHC, trong đó có 120 DVCTT mức độ 3 và 55 DVCTT mức độ 4; đồng thời đã kết nối với trang mạng xã hội Zalo để cung cấp dịch vụ tra cứu trạng thái giải quyết hồ sơ TTHC trên điện thoại di động thông minh, kết nối với Cổng thanh toán trực tuyến của Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank) để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thanh toán phí, lệ phí TTHC trực tuyến.

Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử đáp ứng các chức năng theo yêu cầu của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, đồng thời rà soát, lựa chọn, chuẩn hóa các DVCTT mức độ 3,4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016, Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành ký kết hợp tác với Bưu điện tỉnh tổ chức cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, đồng thời công khai đầy đủ thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử.

3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC

Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa được các cơ quan, đơn vị trong tỉnh quan tâm chỉ đạo, thực hiện. 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và hầu hết UBND cấp xã đã đầu tư, trang cấp hệ thống máy tính, máy in, máy photocopy và các thiết bị cơ bản khác cho bộ phận một cửa. Trung tâm Hành chính công của tỉnh và Bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố được trang cấp hệ thống màn hình cảm ứng tra cứu thủ tục hành chính và hệ thống lấy số giải quyết thủ tục hành chính.

Trong năm 2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đồng bộ hệ thống thông tin một cửa điện tử tại tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã nhằm đảm bảo việc liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Đến nay, đã triển khai ứng dụng tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh, 21 sở, ban, ngành cấp tỉnh có giải quyết thủ tục hành chính, 08/08



UBND huyện, thị xã, thành phố và 157/159 xã, phường, thị trấn (trừ 02 xã Tân Trạch, Thượng Trạch).

4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

- Thực hiện Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ tỉnh Quảng Bình đã tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống QLVB&ĐH, thiết lập, cấu hình liên thông 3 cấp nội bộ và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia, đồng thời tổ chức đăng ký cấp phát chứng thư số chuyên dùng Chính phủ phục vụ ký số văn bản điện tử. Hiện tại, hệ thống QLVB&ĐH của tỉnh đang được ứng dụng tại 51 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương, 08/08 UBND cấp huyện và 157/159 UBND cấp xã (trừ 02 xã Tân Trạch, Thượng Trạch); tổng số lượng chứng thư số chuyên dùng đã cấp phát là 1.632 chứng thư số (345 chứng thư số tổ chức, 1.287 chứng thư số cá nhân). Từ ngày 15/7/2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện thí điểm không gửi bản giấy đối với 22 loại văn bản điện tử có ký số đã phát hành trên hệ thống QLVB&ĐH.

- Hệ thống thư điện tử công vụ được triển khai, cấp phát hơn 4.770 tài khoản thư điện tử cho CBCCVN khai thác, sử dụng. Phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVN, phần mềm quản lý công tác thanh tra đã triển khai ở hầu hết các sở, ban, ngành, địa phương. Hệ thống thông tin tổng hợp kinh tế - xã hội của tỉnh đang được đầu tư, triển khai, làm nền tảng phát triển, tích hợp hệ thống báo cáo trực tuyến đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

Bên cạnh các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung đã và đang tiếp tục triển khai ứng dụng (*Cổng/trang thông tin điện tử, Quản lý văn bản và điều hành, Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử, Thư điện tử công vụ, Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá kết quả làm việc, Quản lý công tác thanh tra...*), tỉnh đang tập trung hoàn thiện xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền điện tử, nâng cấp Trung tâm dữ liệu điện tử, đưa vào ứng dụng Hệ thống thông tin tổng hợp kinh tế - xã hội và báo cáo trực tuyến.

Ngoài ra, nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà nước, một số cơ quan, đơn vị đã xây dựng hoặc nhận chuyển giao, triển khai, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Bình - quangbinhtrade.vn (Sở Công thương); các hệ thống thông tin đất đai - Vilis, địa lý - GIS, giám sát quan trắc môi trường tự động tại các điểm xung yếu... (Sở Tài nguyên và Môi trường); các hệ thống quản lý học sinh, quản lý bài giảng Elearning, quản lý thư viện điện tử, quản lý thiết bị, hỗ trợ tuyển sinh đầu cấp, quản lý văn bằng, chứng chỉ... (Sở Giáo dục và Đào tạo); các hệ thống quản lý bệnh viện, quản lý y tế cơ sở, quản lý bảo hiểm...(Sở Y

tế) hệ thống quản lý đối tượng người có công và chế độ chính sách (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội); phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch (Sở Tư pháp); các phần mềm quản lý giấy phép lái xe, quản lý xe cải tạo, giám sát tàu thuyền trên sông, quản lý cầu, quản lý phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình, quản lý tài sản đường bộ, quản lý tài sản đường thủy... (Sở Giao thông Vận tải); các hệ thống, phần mềm quản lý đầu tư công, quản lý Ngân sách - Kho bạc, quản lý mã số, quản lý nguồn vốn, khai thác báo cáo quyết toán, quản lý tài sản, kế toán HCSN, kế toán ngân sách xã... của ngành kế hoạch, tài chính...

6. Hạ tầng kỹ thuật

Trong những năm qua, Sở Thông tin và Truyền thông đã tích cực chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, CNTT trên địa bàn đẩy mạnh việc phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, CNTT... Mạng thông tin di động 3G, 4G đã cơ bản cung cấp dịch vụ gần 100% dân cư trên địa bàn tỉnh. Internet băng thông rộng đã đến với 157/159 trung tâm các xã, phường, thị trấn (trừ 02 xã Tân Trạch, Thượng Trạch). Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đến tận các sở, ban, ngành, địa phương và được duy trì đảm bảo hoạt động thông suốt.

Hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước được quan tâm đầu tư, nâng cấp: 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện và 95% UBND cấp xã đã thiết lập mạng LAN. 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện và 98% UBND cấp xã đã kết nối Internet, với 94% máy tính được kết nối internet. Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh được triển khai trên nền tảng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã kết nối đến 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 28% UBND cấp xã. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ tỉnh đến Trung ương, phục vụ hiệu quả các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của UBND tỉnh và các sở, ngành.

Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh (đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông) từng bước được nâng cấp đồng bộ, hiện đại và duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu triển khai, quản trị, vận hành, khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đồng thời hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cài đặt, vận hành hệ thống, phần mềm chuyên ngành.

7. Nguồn nhân lực

Ban chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình đã được thành lập từ tháng 11/2018. Hầu hết các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện cũng đã thành lập Tổ chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử để thống nhất chỉ đạo, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử trên phạm vi, địa bàn quản lý.

06 cơ quan cấp tỉnh có đơn vị chuyên trách CNTT; 95% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có cán bộ chuyên trách CNTT hoặc kiêm nhiệm, với 100% cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có trình độ cao đẳng CNTT trở lên.

98% cán bộ, công chức đã qua các khóa đào tạo tin học cơ bản; 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh sử dụng máy tính thường xuyên cho công việc. Để đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, các cơ quan, đơn vị đã khuyến khích, tạo điều kiện cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tổ ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Quảng Bình cũng được thành lập từ năm 2016 do Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối thường trực đã thường xuyên theo dõi, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong giải quyết các sự cố máy tính phát sinh trong quá trình quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh cũng như các hệ thống, phần mềm chuyên ngành, nội bộ của các cơ quan, đơn vị.

8. Môi trường pháp lý

- Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 22/9/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Bình về thông qua quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Kế hoạch số 378/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020; và các Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm;

- Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018-2020;

- Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình.

- Kế hoạch hành động số 411/KH-UBND ngày 29/3/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

- Biên bản ghi nhớ ngày 27/8/2018 giữa UBND tỉnh Quảng Bình và Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng thành công chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình;

- Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư ngày 27/8/2018 giữa UBND tỉnh Quảng Bình và Tập đoàn VNPT về hợp tác đầu tư, hỗ trợ xây dựng và triển khai Chính quyền điện tử, thành phố thông minh Quảng Bình;

- Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư ngày 27/8/2018 giữa UBND tỉnh Quảng Bình và Tập đoàn Viettel về hợp tác đầu tư, hỗ trợ xây dựng và triển khai Chính quyền điện tử, thành phố thông minh Quảng Bình.

9. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch năm 2019 và Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020

a) Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

STT	Mục tiêu đề ra trong năm 2019	Kết quả thực hiện trong năm 2019
1	100% cơ quan nhà nước khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, như: Cổng/trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Theo dõi chỉ đạo điều hành; Một cửa điện tử; Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Báo cáo trực tuyến và thông tin KT-XH...	90% cơ quan nhà nước khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, như: Cổng/trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Theo dõi chỉ đạo điều hành; Một cửa điện tử; Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Báo cáo trực tuyến và thông tin KT-XH...
2	90% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng. 100% văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước phải được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.	80% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng. 95% văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước phải được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
3	95%-100% nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành của cơ quan nhà nước được ứng dụng công nghệ thông tin, như: quản lý giáo dục, y tế, người có công, hộ tịch, lý lịch tư pháp, giao thông - vận tải, đầu tư công, ngân sách...	90%-95% nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành của cơ quan nhà nước được ứng dụng công nghệ thông tin, như: quản lý giáo dục, y tế, người có công, hộ tịch, lý lịch tư pháp, giao thông - vận tải, đầu tư công, ngân sách...
4	Hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung được hoàn thiện, kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tạo nền tảng phát	Hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung được hoàn thiện, kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tạo nền tảng phát

triển chính quyền điện tử.	triển chính quyền điện tử.
----------------------------	----------------------------

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

STT	Mục tiêu đề ra trong năm 2019	Kết quả thực hiện trong năm 2019
1	100% thông tin hoạt động của các cơ quan nhà nước được cung cấp trên cổng/trang thông tin điện tử theo quy định.	100% thông tin hoạt động của các cơ quan nhà nước được cung cấp trên cổng/trang thông tin điện tử theo quy định.
2	60% dịch vụ công của sở, ban, ngành cấp tỉnh, 50% dịch vụ công của UBND cấp huyện và 25% dịch vụ công ở UBND cấp xã đạt ở mức độ 3, 4.	50% dịch vụ công của sở, ban, ngành cấp tỉnh, 40% dịch vụ công của UBND cấp huyện và 15% dịch vụ công ở UBND cấp xã đạt ở mức độ 3, 4.
3	30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên phát sinh hồ sơ trực tuyến; 20% hồ sơ dịch vụ công được xử lý trực tuyến.	10% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên phát sinh hồ sơ trực tuyến; 5% hồ sơ dịch vụ công được xử lý trực tuyến.

10. Đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử: *Phụ lục I kèm theo.*

11. Những vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân

- Trong điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, khó khăn, việc đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin chưa thực sự đồng bộ gây khó khăn cho việc triển khai ứng dụng. Một số hệ thống thông tin quan trọng chưa được đầu tư nâng cấp nền tảng, toàn diện và chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của ứng dụng. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được quan tâm nâng cấp, tuy nhiên chưa đủ nguồn lực để đầu tư đạt chuẩn.

- Hạ tầng thiết bị máy tính, kết nối mạng tại các sở, ban, ngành, địa phương vẫn còn không ít hạn chế, khó khăn, thiếu về số lượng và yếu về cấu hình, chất lượng; công tác quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng và phối hợp ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin hệ thống mạng ở nhiều cơ quan, đơn vị còn nhiều bất cập, hạn chế nhất là ở cấp xã.

- Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh vẫn chưa kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các hệ thống thông tin của các Bộ, ngành Trung ương như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Y tế, Bộ Tài chính... gây khó khăn trong việc xác thực công dân, doanh nghiệp và việc cung cấp thông tin theo dõi trạng thái giải quyết thủ tục hành chính đối với các dịch vụ công trực tuyến triển khai theo ngành dọc...

- Mặc dù UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện triển khai khá nhiều giải pháp để tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Tuy nhiên do điều kiện vật chất, kỹ năng và thói quen ứng dụng CNTT doanh nghiệp, người dân còn hạn chế, nên số lượng hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 phát sinh vẫn còn rất thấp...

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc của một bộ phận cán bộ, công chức về ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử; lãnh đạo, nhất là người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức ứng dụng CNTT và cung cấp dịch vụ công; số lượng cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước còn mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử; chất lượng cán bộ quản trị mạng, quản trị hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin chưa cao, chưa được thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, cập nhật kiến thức.

12. Kiến nghị, đề xuất

a) Đối với Chính phủ

- Quy định về ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước theo Điều 63 của Luật Công nghệ thông tin. Quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng hạ tầng CNTT phục vụ triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử cho các địa phương khó khăn về ngân sách, trong đó có tỉnh Quảng Bình.

- Chỉ đạo các Bộ ngành Trung ương sớm hoàn thành các cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử cũng như hoàn thiện các hệ thống thông tin theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định, tạo điều kiện cho các tỉnh, thành phố kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

b) Đối với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ ngành có liên quan

- Ban hành quy định về Danh mục các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, thành phố phải xây dựng, triển khai ứng dụng; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng trong ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước.

- Tham mưu, trình Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ ưu đãi, khuyến khích đối với cán bộ chuyên trách CNTT, an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ: Cục An toàn thông tin, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT/CC), Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung, chương trình đã ký kết hợp tác với tỉnh Quảng Bình. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ tỉnh

Quảng Bình đưa internet tốc độ cao đến với 02 xã Tân Trạch, Thượng Trạch của huyện Bố Trạch, là hai xã cuối cùng của tỉnh chưa có internet băng thông rộng.

- Hỗ trợ tỉnh Quảng Bình trong xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP); tư vấn triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh sát với thực tế và phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử; hỗ trợ, hướng dẫn tỉnh Quảng Bình thực hiện chương trình, đề án chuyển đổi số quốc gia phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Phối hợp, hỗ trợ thực hiện các giải pháp an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh và kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia của Cục An toàn thông tin; định kỳ tổ chức diễn tập phòng, chống, xử lý tấn công mạng; rà soát, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh mạng, ưu tiên đào tạo, tập huấn cán bộ an toàn thông tin của tỉnh Quảng Bình theo các chương trình, đề án của Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện về kinh phí cho tỉnh Quảng Bình trong việc triển khai các chương trình, dự án công nghệ thông tin nhằm xây dựng Chính quyền điện tử; hỗ trợ kinh phí từ chương trình mục tiêu CNTT tin giai đoạn 2016 - 2020.

II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của



cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công Dịch vụ công quốc gia;

- Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam;

- Kế hoạch số 378/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 06/05/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Kế hoạch hành động số 411/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Công văn số 2055/BTTTT-THH ngày 27/6/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2020.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn, gắn kết, thúc đẩy CCHC, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, công sở điện tử.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử.



- Tin học hóa, triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 4. Giảm dần số lần người dân phải đến cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng và phát triển CNTT.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước:

- 100% cơ quan nhà nước khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh, như: Cổng/trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Theo dõi nhiệm vụ; Một cửa điện tử; Quản lý hồ sơ CBCCVC; Báo cáo trực tuyến và thông tin kinh tế - xã hội...

- 90% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng. 100% văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành của cơ quan hành chính nhà nước phải được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- 95%-100% nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành của cơ quan nhà nước được ứng dụng công nghệ thông tin, như: quản lý giáo dục, y tế, người có công, hộ tịch, lý lịch tư pháp, giao thông - vận tải, đầu tư công, ngân sách...

- Hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung được hoàn thiện, kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử.

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- 100% thông tin hoạt động của các cơ quan nhà nước được cung cấp trên cổng/trang thông tin điện tử theo quy định.

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện cung cấp có phát sinh hồ sơ trực tuyến; 40% hồ sơ thủ tục hành chính sau tiếp nhận trực tiếp được luân chuyển, xử lý trực tuyến.

IV. NỘI DUNG

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong hệ thống cơ quan nhà nước, gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

- Tiếp tục triển khai nhân rộng, nâng cao hiệu quả ứng dụng các hệ thống dùng chung: Cổng/trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Một cửa điện tử; Quản lý hồ sơ CBCCVC; Quản lý công tác thanh tra...

- Triển khai ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, ứng dụng cơ bản như Hệ thống thông tin tổng hợp



kinh tế - xã hội và báo cáo trực tuyến, Cổng thông tin địa lý (GIS), quản lý công tác thi đua khen thưởng... sau khi đầu tư, nâng cấp, mở rộng.

- Tăng cường trao đổi văn bản điện tử, kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại 3 cấp địa phương và với các đơn vị Trung ương. Triển khai giải pháp ký số trên thiết bị di động và sử dụng thiết bị hỗ trợ ký số tập trung để nâng cao tốc độ kết nối, chứng thực chữ ký số.

- Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT. Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Tổ Ứng cứu sự cố máy tính tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến vấn đề phòng, chống mã độc, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Đẩy mạnh việc cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ. Xây dựng và triển khai duy trì, nâng cấp và bảo đảm an toàn thông tin cho Cổng/Trang thông tin điện tử, duy trì ổn định, liên tục và thông suốt kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức ứng dụng hiệu quả Hệ thống thông tin một cửa điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là tại các đơn vị thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã. Tổ chức bảo đảm thực hiện quy trình liên thông trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Tăng cường chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4. Từng bước thực hiện kết nối, liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện nộp hồ sơ, tra cứu, theo dõi trạng thái hồ sơ trên môi trường mạng; triển khai các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng. Tăng cường trao đổi, đối thoại trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tổ chức đánh giá xếp hạng các cơ quan, đơn vị trong việc cung cấp thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Xây dựng, hoàn thiện các HTTT, CSDL dùng chung, chuyên ngành tạo nền tảng phát triển CQĐT

- Xây dựng, hoàn thiện khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

- Xây dựng, hình thành khung Nền tảng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh (Dịch vụ chia sẻ, tích hợp, dịch vụ phát triển ứng dụng) - LGSP cấp



tỉnh, có vai trò là nền tảng CNTT liên cơ quan cho các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh, đồng thời hoạt động như một công nghiệp vụ, cùng với các dịch vụ cấp tỉnh để trao đổi thông tin với các Bộ, tỉnh khác, hoặc với các cơ quan Đảng, hay các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức khác khi cần thiết. Lựa chọn, triển khai đầu tư một số thành phần của nền tảng LGSP, đáp ứng bước đầu yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với một số hệ thống thông tin, CSDL quan trọng của quốc gia, bộ, ngành Trung ương và nội bộ tỉnh.

- Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung hiện có. Triển khai xây dựng, hình thành hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung của tỉnh dùng để khai thác, chia sẻ, dùng chung một cách thống nhất, hướng tới phát triển các CSDL lớn (Big Data). Tiếp tục đẩy nhanh việc tin học hóa nghiệp vụ, xây dựng các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, nội bộ của các cơ quan nhà nước.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn, ngắn hạn theo yêu cầu về nguồn nhân lực CNTT. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống đơn vị chuyên trách, cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh; đào tạo kiến thức CNTT theo Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 05/5/2015 quy định tiêu chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT.

- Thường xuyên cập nhật, chuyển giao công nghệ mới, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ chuyên trách CNTT. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ nâng cao kiến thức, kỹ năng, thói quen sử dụng Internet và dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng viễn thông băng rộng, đảm bảo chất lượng đường truyền kết nối ứng dụng và phát triển CNTT. Tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT, bao gồm mạng, máy tính, máy in, an toàn thông tin, cơ sở vật chất để triển khai các ứng dụng CNTT, các hạ tầng công nghệ để xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử. Trong đó tập trung một số nội dung sau:

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh hiện đại, an toàn, bảo mật, đáp ứng yêu cầu triển khai, ứng dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, trang cấp thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, máy tính, máy in, máy quét... tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.



- Hoàn thiện kết nối mạng diện rộng (WAN) của cơ quan nhà nước trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã được kết nối, khai thác, ứng dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh phục vụ các cuộc họp trực tuyến từ tỉnh đến Trung ương, từ tỉnh đến các huyện, thành phố, thị xã; từng bước triển khai đến cấp xã.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng Khung Kiến trúc an toàn thông tin chính phủ điện tử cấp tỉnh. Nghiên cứu nâng cấp, chuẩn hóa Hệ thống giám sát/kiểm soát an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh, từng bước hình thành Trung tâm giám sát/kiểm soát an toàn thông tin cấp tỉnh (L-SOC/L-NOC).

- Tổ chức rà soát, xác định cấp độ an toàn và xây dựng phương án phòng chống mã độc, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị. Đầu tư, thiết lập các hệ thống quan trắc, giám sát, quản lý an toàn thông tin cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn, kỹ thuật quy định. Xây dựng và ban hành quy chế, quy định bảo đảm an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức, nhận thức về an toàn thông tin; phối hợp tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ nhân lực giám sát an toàn thông tin mạng và nâng cao nhận thức, kiến thức an toàn thông tin cho người dùng và cán bộ liên quan đến các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố máy tính, sự cố an toàn thông tin mạng. Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu, khôi phục dữ liệu, bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục của Trung tâm dữ liệu điện tử và các hệ thống dùng chung của tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực CNTT. Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT.

- Tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Tổ chức áp dụng và hoàn thiện Khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử.

- Hoàn thiện các quy chế, quy định về sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung; quy định về an toàn thông tin, sử dụng chữ ký số; chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước;

chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng.

2. Giải pháp tài chính

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng và phát triển CNTT. Kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống thông tin, CSDL nền tảng cho ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử.

- Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử. Tạo cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, CNTT xây dựng, triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước thông qua hình thức đầu tư trả góp hoặc đầu tư cho thuê dịch vụ.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với CCHC

- Tiếp tục triển khai các nội dung thuộc Chương trình phối hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ về thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2017-2020.

- Tiếp tục hoàn thiện, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên rà soát, chuẩn hóa các quy trình nội bộ và liên thông trong giải quyết TTHC để thiết lập, khai báo, áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế.

- Hoàn thiện các tiêu chí ứng dụng CNTT trong hạng mục đánh giá mức độ Hiện đại hóa hành chính phù hợp với tình hình mới. Tăng cường công tác kiểm tra việc ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép các đợt kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh.

4. Giải pháp tổ chức, triển khai

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh và Tổ triển khai xây dựng Chính quyền điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương; nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong chỉ đạo, tổ chức ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử. Hoàn thiện cơ cấu bộ máy, tăng cường số lượng cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng công tác tham mưu, triển khai, quản lý, vận hành, khai thác, ứng dụng và bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, CSDL.

- Xây dựng đề án, dự án tổng thể và tổ chức triển khai từng hạng mục, từng giai đoạn phù hợp vào điều kiện ngân sách. Triển khai cụ thể hóa các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ giữa Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn VNPT, Tập đoàn Viettel với tỉnh về hợp tác, đầu tư, hỗ trợ ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Đẩy mạnh hoạt động thuê dịch vụ ứng dụng CNTT và thuê dịch vụ kỹ thuật, nhân sự trong triển khai giám sát, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là việc cung cấp thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử, trao đổi văn bản điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

5. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Phối hợp triển khai Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Ưu tiên đầu tư hệ thống giám sát và các trang thiết bị an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh. Tổ chức thực hiện các phương án bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành và nội bộ cơ quan, đơn vị tương ứng với cấp độ đã được xác định, thẩm định, phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thông tin. Xây dựng, hoàn thiện Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước. Tổ chức ứng cứu sự cố máy tính, an toàn thông tin mạng theo Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN: Phụ lục II kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Kế hoạch này. Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực cho việc ứng dụng CNTT và bảo đảm an toàn thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai ứng dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành và nội bộ tại cơ quan, đơn vị mình.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với bộ máy, đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước.



- Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí cho việc tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT và bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh năm 2019 và các nguồn ngân sách khác (nếu có) cho các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN để triển khai ứng dụng CNTT.

4. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh quy định mục chi ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng, phát triển CNTT theo quy định tại Điều 63 Luật Công nghệ thông tin; bố trí kinh phí sự nghiệp cho các nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước; chế độ, chính sách thu hút, sử dụng nguồn lực CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước 05 năm và hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh đầu tư, nâng cấp và duy trì, quản lý các hệ thống thông tin và hạ tầng CNTT để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử tỉnh. Trong năm 2020 ưu tiên nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Hệ thống thông tin tổng hợp kinh tế - xã hội và báo cáo trực tuyến, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Mạng diện rộng của tỉnh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh và hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh.

- Hướng dẫn, thẩm định, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương đầu tư, triển khai, ứng dụng các hệ thống, phần mềm chuyên ngành, nội bộ phục vụ cải cách hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai cơ chế phối hợp phòng chống mã độc, ứng cứu sự cố máy tính, an toàn thông tin mạng; chủ động phòng ngừa và điều phối ứng cứu, xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT và bảo đảm an toàn thông tin. Tăng cường kiểm tra việc ứng dụng CNTT trong



hoạt động của cơ quan nhà nước. Tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử theo quy định.

- Hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn phát sinh.

Yêu cầu các sở, ngành, địa phương triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hoàng



Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CNTT CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 1759 /KH-UBND ngày 25 / 10 /2019 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Kinh phí giải ngân 2019 (Triệu đồng)	Nguồn vốn
1	Hệ thống thông tin kinh tế, xã hội tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	CNTT		Xây dựng phần mềm hệ thống thông tin kinh tế, xã hội tỉnh Quảng Bình và đào tạo chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng	Toàn tỉnh	2.822	1.270	Ngân sách tỉnh
2	Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu điện tử và Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ	Sở TT&TT					5.000	1.500	Ngân sách tỉnh
3	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin 2018	Sở TT&TT					2.000	2.000	Ngân sách TW
4	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin 2019	Sở TT&TT					3.000	3.000	Ngân sách TW
5	Nâng cấp và triển khai đồng bộ hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT			Nâng cấp nền tảng công nghệ của hệ thống: Nâng cấp phiên bản Liferay từ phiên bản 6.1 lên phiên bản 6.2. Bổ sung các chức năng,		2.996	1.000	

					tính năng mới, cho phép tùy biến giao diện và thông tin công/ trang TTĐT (tùy biến trên giao diện web). Thiết kế đồ họa và giao diện trên thiết bị di động, chuyển đổi dữ liệu Cổng TTĐT của tỉnh và trang TTĐT các đơn vị đã tạo lập (76 trang TTĐT). Xây dựng trực kết nối liên thông công/trang TTĐT các đơn vị. Tạo lập mới Trang TTĐT cho 130 đơn vị cấp xã. Đào tạo, chuyển giao công nghệ				
6	Nâng cấp phần mềm QLVBĐH tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT					300	300	Ngân sách tỉnh
7	Nâng cấp phần mềm Quản lý nhân sự tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT					300	300	Ngân sách tỉnh
8	Nâng cấp phần mềm Quản lý thanh tra tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT					200	200	Ngân sách tỉnh
9	Nâng cấp, triển khai phần mềm báo cáo trực tuyến năm 2019	Sở TT&TT					300	300	Ngân sách tỉnh
10	Xây dựng Khung kiến	Sở					700	300	Ngân



	trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình	TT&TT							sách tỉnh
11	Dự án Số hóa hồ sơ, tài liệu giáo dục tại Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo			- Kế thừa hệ thống phần mềm số hóa của tỉnh, tiếp tục triển khai hệ thống phần mềm quản lý số hóa hồ sơ tài liệu ngành giáo dục cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình. - Tổ chức số hóa, cập nhật dữ liệu tài liệu, hồ sơ sau chỉnh lý vào phần mềm để hình thành một cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo, phục vụ công tác quản lý, khai thác và báo cáo của ngành.		2.999	2.999	Ngân sách tỉnh
12	Xây dựng hệ thống Công thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo			Xây dựng, chuyển giao hệ thống phần mềm nội bộ Công TTĐT ngành GDĐT cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình		3.113	3.113	Ngân sách tỉnh
13	Cơ sở dữ liệu về giá tại tỉnh Quảng Bình	Sở Tài Chính			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương tỉnh Quảng Bình - Xây dựng hệ thống phần mềm CSDL về giá tại Địa phương đáp ứng công tác quản lý - Đào tạo chuyển giao và		2,992	2,992	Ngân sách tỉnh



					hướng dẫn sử dụng phần mềm cho cán bộ tại Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình và cán bộ tại các phòng Tài chính				
14	Số hóa hồ sơ, tài liệu về tài nguyên và môi trường tại Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình	Sở Tài nguyên và Môi trường			- Đầu tư xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý, khai thác hồ sơ, tài liệu số hóa cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc. - Tổ chức số hóa, cập nhật dữ liệu tài liệu, hồ sơ sau chỉnh lý vào phần mềm để hình thành một cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý, khai thác và báo cáo của ngành. - Kế thừa hạ tầng CNTT có sẵn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, đầu tư bổ sung các trang thiết bị phục vụ số hóa, lưu trữ và khai thác tài liệu.	7.975			Ngân sách tỉnh
15	Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng	Sở Công Thương					143	143	Ngân sách tỉnh

	Bình giải pháp bán hàng trực tuyến								
16	Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng cho doanh nghiệp thương mại điện tử tỉnh Quảng Bình	Sở Công Thương					286	286	Ngân sách tỉnh
17	Dự án xây dựng hệ thống CSDL đất đai.	Sở TN&MT	CNTT	Xây dựng, cập nhật, tích hợp CSDL đất đai	Xây dựng Hệ thống CSDL đất đai	Toàn tỉnh	350	350	Địa phương
18	Tập huấn quy trình soạn thảo văn bản và ứng dụng chứng thư số chuyên dùng trên Hệ thống QLVB&ĐH tại Sở TN&MT.	Sở TN&MT	CNTT	Nâng cao kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản và ứng dụng chứng thư số chuyên dùng trong gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống	Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản và ứng dụng chứng thư số chuyên dùng trong gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống	Tất cả các cán bộ, công chức, viên chức Sở TN&MT	34,25	34,25	Địa phương

11	Trang bị máy tính, máy in, tivi (máy chiếu) cho các lớp mầm non	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	Dự án mới	Tăng cường thiết bị dạy học	Các cơ sở giáo dục mầm non	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm thiết bị	12.000	Ngân sách tỉnh	12.000
12	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	Dự án mới	Bồi dưỡng kỹ năng	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường THPT	Tỉnh Quảng Bình	2020	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ CNTT	1.000	Ngân sách tỉnh	1.000
13	Hệ thống phần mềm Một cửa liên thông và dịch vụ hành chính công tỉnh tại đơn vị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	Dự án mới	Xây dựng hệ thống hành chính điện tử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm phần mềm	3.000	Ngân sách tỉnh	3.000
14	Xây dựng cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	Dự án mới	Xây dựng hệ thống hành chính điện tử	Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm phần mềm	4.500	Ngân sách tỉnh	4.500
15	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Y tế học đường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	Dự án mới	Quản lý y tế học đường	Các cơ sở giáo dục TH, THCS, THPT	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm phần mềm	6.200	Ngân sách tỉnh	6.200

16	Hệ thống Hội nghị trực tuyến ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục	Dự án mới	Ứng dụng CNTT trong hội nghị	Sở GD&ĐT, trường TH,THCS, THPT	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm phần mềm	4.500	Ngân sách tỉnh	4.500
17	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác thông minh cho các lớp mầm non, tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án mới	Tăng cường thiết bị thông minh hỗ trợ dạy và học	Các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm thiết bị	39.000	Ngân sách tỉnh	39.000
18	Trang bị thiết bị CNTT hỗ trợ dạy và học Ngoại ngữ các lớp mầm non, tiểu học, THCS, THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án mới	Tăng cường thiết bị thông minh hỗ trợ dạy học ngoại ngữ	Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập	Tỉnh Quảng Bình	2020	Mua sắm thiết bị	30.000	Ngân sách tỉnh	30.000
19	Mua sắm một số thiết bị, phần mềm phục vụ đảm bảo an toàn thông tin Sở TN&MT	Sở TN&MT	CNTT		Nâng cao năng lực đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.	Nâng cấp tăng mạng thông tin ngành TN&MT	Sở TN&MT	2020	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng thông tin	500	Địa phương	500
20	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật hệ thống Dự án xây dựng	Sở TN&MT	CNTT	Dự án mới	Xây dựng hạ tầng đáp ứng	Hệ thống máy chủ, hệ thống lưu	Trung tâm Công	2020	Hệ thống máy	500	Địa phương	500

	CSDL đất đai.				yêu cầu của Bộ TN&MT về hạ tầng phục vụ cho công tác vận hành CSDL đất đai.	trữ, backup, thiết bị mạng, đường truyền...	nghệ thông tin TN&MT		chủ, hệ thống lưu trữ, backup, thiết bị mạng, đường truyền. ..			
21	Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (5-10 dịch vụ)	Sở TN&MT	Đất đai; Đăng ký GDBĐ; Môi trường	Dự án chuyển tiếp	Phục vụ yêu cầu cung cấp thông tin cho tổ chức và người dân, đáp ứng yêu cầu về CCHC.	Cài đặt, cấu hình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (5-10 dịch vụ)	2020	Cài đặt, cấu hình dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	200	Địa phương	200
22	Đề án “Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường” theo Quyết định số 1618/QĐ ngày 24/10/2017 của Thủ tướng chính phủ	Sở TN&MT	Quan trắc môi trường	Dự án mới	Thiết lập Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường	Xây dựng hệ thống CSDL quan trắc tài nguyên và môi trường của tỉnh kết nối CSDL quốc gia	Quan trắc TN&MT tỉnh Quảng Bình	Giai đoạn 1: 2019-2020	Xây dựng hệ thống CSDL quan trắc TN&MT	5.000	Địa phương	5.000

									của tỉnh kết nối CSDL quốc gia			
23	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức ngành TN&MT ứng dụng CNTT của ngành.	Sở TN&MT	CNTT	Dự án mới	Tập huấn nhằm trang bị cho cán bộ của ngành hiểu và nắm bắt thông tin và công nghệ mới	Tập huấn	Sở TN&MT và các đơn vị trực thuộc	2020	Tập huấn	50	Địa phương	50
24	Tập huấn ứng dụng chứng thư số chuyên dùng trên điện thoại di động trong gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống QLVB&ĐH tại Sở TN&MT	Sở TN&MT	CNTT	Dự án mới	Nhằm tiết kiệm chi phí giấy tờ, thời gian luân chuyển trong hoạt động quản lý công văn, giấy tờ, thư điện tử...	Tập huấn	Sở TN&MT và các đơn vị trực thuộc	2020	Tập huấn	50	Địa phương	50

25	Đề tài: Xây dựng tích hợp dữ liệu quy hoạch xây dựng và thông tin đất đai phục vụ quản lý trên máy tính và điện thoại thông minh tại địa bàn TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.	Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT	CNTT	Đề tài Khoa học	Cung cấp cho các cơ quan quản lý nắm bắt những thông tin phục vụ điều hành, đến người dân, doanh nghiệp những dữ liệu đầy đủ và thuận tiện.	Người dân và doanh nghiệp tra cứu các thông tin về đất đai, quy hoạch đô thị và bất động, ... sản phẩm nhằm nâng cao chỉ số tiếp cận đất tỉnh Quảng Bình.	Sở TN&MT	2020	Đầu tư cho lĩnh vực nghiên cứu Khoa học công nghệ	500	Địa phương	500
----	---	--	------	------------------------	--	--	----------	------	--	-----	-------------------	-----